

Số: 06 /2011/QĐ-UBND

Thái Bình, ngày 06 tháng 7 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và viện trợ phi chính phủ (NGO) nước ngoài tại tỉnh Thái Bình.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị định số 131/2006/NĐ-CP ngày 09/11/2006 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ chính thức;

Căn cứ Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài;

Xét đề nghị của Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 27/BC-STP ngày 13/5/2011 và đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 182/TTr-SKHĐT ngày 24/5/2011;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ chính thức (ODA) và viện trợ phi chính phủ (NGO) nước ngoài tại tỉnh Thái Bình.

Điều 2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các sở, ngành liên quan hướng dẫn thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở; Thủ trưởng các ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch UBND huyện, thành phố; Thủ trưởng ngành, đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Kiểm tra VB QPPL, Bộ Tư Pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm Công báo;
- Lưu: VT, NV, TH. *TH*



Phạm Văn Sinh

QUY CHẾ

Về việc quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và viện trợ phi chính phủ (NGO) nước ngoài.

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 06 /2011/QĐ-UBND ngày 06 /7/2011 của
UBND tỉnh Thái Bình)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này điều chỉnh hoạt động thu hút, quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), viện trợ phi chính phủ (NGO) nước ngoài bao gồm các chương trình, dự án ODA, NGO nước ngoài do tỉnh hoặc các cơ quan, đơn vị, tổ chức trong tỉnh trực tiếp quản lý và dự án hợp phần của các Bộ, ngành trung ương do các ngành, các đơn vị trực tiếp thực hiện.

2. Đối tượng áp dụng là các cơ quan, đơn vị và tổ chức trong công tác vận động, tiếp nhận, quản lý và sử dụng vốn ODA, NGO nước ngoài trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Nguyên tắc cơ bản trong quản lý và sử dụng ODA và NGO nước ngoài

1. Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về ODA và NGO nước ngoài trên địa bàn tỉnh trên cơ sở phân cấp của Chính phủ thông qua các ngành chức năng, chủ dự án, chủ khoản viện trợ, ban quản lý dự án để quản lý các nguồn viện trợ nước ngoài bảo đảm tập trung dân chủ, công khai, minh bạch có phân công, phân cấp, gắn quyền hạn với trách nhiệm, bảo đảm sự phối hợp quản lý, kiểm tra giám sát chặt chẽ, phát huy tính chủ động của các cấp ở địa phương, các cơ quan quản lý ngành và đơn vị thực hiện.

2. Thu hút, quản lý và sử dụng nguồn ODA, NGO nước ngoài bảo đảm nâng cao hiệu quả sử dụng, bảo đảm khả năng trả nợ nước ngoài phù hợp với năng lực tiếp nhận và khả năng thực tế của địa phương, bảo đảm tính đồng bộ nhất quán của các quy định về quản lý sử dụng ODA, NGO nước ngoài, bảo đảm sự tham gia rộng rãi của các bên liên quan, phù hợp quy trình thủ tục giữa Việt Nam và nhà tài trợ.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế về ODA mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và các cam kết với Bên tài trợ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trong trường hợp điều ước quốc tế về ODA mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, các quy định hoặc viện trợ của Bên tài trợ khác với các quy định của pháp luật Việt Nam thì thực hiện theo quy định của điều ước quốc tế đó (đối với ODA); trường hợp quy định của bên tài trợ NGO khác với các quy định của pháp luật Việt Nam thì tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam.

4. Không tiếp nhận các khoản viện trợ NGO nước ngoài gây ảnh hưởng đến an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, xâm hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Chương II

CHUẨN BỊ, VẬN ĐỘNG DỰ ÁN ODA VÀ NGO NƯỚC NGOÀI

Điều 3. Xây dựng danh mục yêu cầu tài trợ ODA, NGO nước ngoài

Hàng năm trong kỳ kế hoạch, các ngành, các cấp, các đơn vị căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, nhu cầu và lĩnh vực ưu tiên sử dụng vốn ODA, NGO nước ngoài của ngành mình, cấp mình chủ động đề xuất danh mục dự án cần thu hút, vận động ODA, NGO nước ngoài kèm theo đề cương sơ bộ của từng dự án gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Điều 4. Xây dựng đề cương chi tiết dự án ODA, NGO nước ngoài

Sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục yêu cầu tài trợ ODA, NGO nước ngoài, các ngành, các cấp, các đơn vị xây dựng đề cương dự án chi tiết vận động ODA, NGO nước ngoài (theo mẫu biểu đính kèm quy chế này) gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tiến hành vận động ODA, NGO nước ngoài. Đề cương chi tiết dự án đề xuất vận động tài trợ được lập thành 8 bộ (yêu cầu ít nhất 2 bộ gốc) được viết bằng tiếng Việt và tiếng Anh.

Điều 5. Vận động ODA, NGO nước ngoài

1. Cơ sở vận động.

Việc tổ chức vận động ODA, các khoản viện trợ NGO nước ngoài thực hiện dựa trên cơ sở chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh; chương trình xóa đói giảm nghèo; chương trình đầu tư công; chương trình mục tiêu quốc gia; định hướng thu hút sử dụng ODA, NGO nước ngoài của tỉnh và quốc gia; chương trình hợp tác phát triển giữa Việt Nam và các nhà tài trợ...

2. Phối hợp vận động.

2.1. Nhiệm vụ của Sở Kế hoạch và Đầu tư trong công tác vận động ODA, NGO nước ngoài:

a) Chuẩn bị nội dung vận động ODA, NGO nước ngoài và tiến hành (hoặc tham gia) các hội nghị vận động tài trợ của tỉnh (nếu có).

b) Phối hợp cơ quan có liên quan lựa chọn dự án vận động tài trợ ODA, NGO nước ngoài hàng năm và 5 năm, tổng hợp đề cương chi tiết vận động ODA, NGO nước ngoài của tỉnh gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để đưa vào các danh mục tài trợ của Chính phủ và gửi các Bộ, ngành trung ương.

c) Phối hợp với các cơ quan có liên quan để liên hệ và cung cấp thông tin về dự án, về tình hình thực hiện ODA, NGO nước ngoài của tỉnh với các Bộ, ngành trung ương và nhà tài trợ trong quá trình vận động.

d) Đối với dự án không nằm trong danh mục yêu cầu tài trợ của Chính phủ nhưng được nhà tài trợ thống nhất, Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét báo cáo Ủy

ban nhân dân tỉnh đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Chính phủ bổ sung vào danh mục yêu cầu tài trợ của Chính phủ.

2.2. Nhiệm vụ của các ngành, các cấp, các đơn vị có dự án đề nghị tài trợ:

Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư trong công tác vận động ODA, NGO nước ngoài; chủ động làm việc, liên hệ với Bộ chủ quản để vận động tài trợ các dự án hợp phần, các dự án nằm trong chương trình dự án ô, chương trình dự án theo lĩnh vực hoặc theo ngành...

Điều 6. Kinh phí xây dựng và vận động ODA, NGO nước ngoài vào tỉnh được bố trí hàng năm từ nguồn ngân sách tỉnh và các nguồn vốn khác.

Chương III

LẬP VĂN KIẾN DỰ ÁN, THẨM ĐỊNH VÀ PHÊ DUYỆT DỰ ÁN ODA, NGO NƯỚC NGOÀI

Điều 7. Lập văn kiện dự án

1. Sau khi chương trình, dự án ODA, NGO nước ngoài được chấp nhận về mặt nguyên tắc (thông báo chính thức đưa vào danh mục kêu gọi tài trợ của Chính phủ hoặc được nhà tài trợ và cơ quan có thẩm quyền đồng ý), căn cứ vào điều 10, điều 12 của Nghị định 131/2006/NĐ-CP ngày 09/11/2006 của Chính Phủ (sau đây gọi tắt là quy chế ODA) và điều 7, điều 9 của Nghị định 93/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 (sau đây gọi tắt là quy chế NGO nước ngoài), các ngành, địa phương có dự án làm văn bản đề xuất gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định về chủ chương trình, dự án, chủ khoản viện trợ (sau đây gọi tắt là chủ dự án), trình cân đối vốn chuẩn bị đầu tư cho các dự án ODA, NGO nước ngoài.

2. Sau khi có quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về chủ dự án, tùy theo từng loại dự án, chủ dự án phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, các ngành có liên quan, nhà tài trợ chuẩn bị nội dung dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành và các điều ước quốc tế về ODA, xác định điều kiện cụ thể về nguồn vốn, cơ chế tài chính trong nước áp dụng cho dự án.

Điều 8. Thẩm định dự án ODA, NGO nước ngoài

1. Tất cả các dự án ODA, NGO nước ngoài của tỉnh đều phải được thẩm định trước khi phê duyệt. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm phối hợp với các Sở, ngành liên quan thẩm định dự án ODA, NGO nước ngoài. Nội dung, quy trình, thời hạn và hồ sơ thẩm định dự án ODA theo quy định tại các điều 16,17,18 của quy chế ODA, thẩm định NGO nước ngoài theo quy định tại điều 12, 13, 14 và điều 40 của quy chế NGO nước ngoài và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

2. Các dự án ODA hợp phần (dự án nhánh) trước khi thực hiện trên địa bàn tỉnh đều phải được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch tổng thể.

Điều 9. Phê duyệt dự án ODA, NGO nước ngoài

1. Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo thẩm quyền các dự án ODA, NGO nước ngoài của tỉnh theo quy định tại khoản 2, điều 19 của quy chế ODA và điểm b, khoản 1, điều 15 quy chế NGO nước ngoài.

2. Sau khi dự án được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm thông báo cho nhà tài trợ, chủ dự án để chuẩn bị triển khai, đàm phán, ký kết tài trợ, đồng thời gửi hồ sơ dự án được phê duyệt tới Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Ủy ban công tác về các tổ chức phi chính phủ nước ngoài.

Chương IV

QUẢN LÝ, THỰC HIỆN, THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ODA, NGO NƯỚC NGOÀI

Điều 10. Thành lập Ban quản lý dự án

1. Trong 10 ngày làm việc kể từ ngày chương trình dự án ODA, NGO nước ngoài được phê duyệt, cơ quan chủ quản hoặc chủ dự án ban hành quyết định thành lập Ban quản lý dự án (tùy theo từng loại dự án); trường hợp chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật có quy mô nhỏ, đơn giản, có tổng mức vốn (kể cả vốn đối ứng) dưới 01 tỷ Việt Nam đồng thì chủ dự án có thể không lập Ban quản lý dự án mà sử dụng bộ máy chuyên môn của mình để quản lý, điều hành hoặc thuê người có chuyên môn, kinh nghiệm để giúp quản lý, điều hành thực hiện chương trình, dự án.

2. Trình tự thành lập, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban quản lý dự án thực hiện theo quy định tại Thông tư số 03/2007/TT-BKH ngày 12/3/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư đối với dự án ODA, tại điều 6 Thông tư 07/2010/TT-BKH ngày 30/3/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư đối với dự án NGO nước ngoài.

Điều 11. Vốn đối ứng cho dự án ODA, NGO nước ngoài

1. Các dự án ODA phải được đảm bảo đủ vốn đối ứng để chuẩn bị và thực hiện; nguồn, mức vốn và cơ chế vốn đối ứng phù hợp với nội dung nêu trong quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục yêu cầu tài trợ. Các dự án NGO nước ngoài thuộc nguồn thu của ngân sách nhà nước, Ủy ban nhân dân tỉnh lập kế hoạch vốn chuẩn bị và thực hiện để tổng hợp vào kế hoạch ngân sách hàng năm. Đối với dự án NGO nước ngoài không thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước, chủ dự án tự cân đối vốn đối ứng chuẩn bị dự án, phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước. Trường hợp nhà tài trợ cung cấp hỗ trợ tài chính để chuẩn bị dự án, chủ dự án có trách nhiệm đưa nguồn vốn chuẩn bị dự án vào tổng vốn chung của khoản viện trợ NGO nước ngoài.

2. Đối với các dự án thuộc diện cho vay lại hoặc dự án một phần cấp phát, một phần cho vay lại từ ngân sách nhà nước, các dự án có khả năng thu hồi vốn đầu tư, chủ dự án tự bố trí toàn bộ vốn đối ứng.

3. Đối với các dự án thuộc diện ngân sách cấp phát, vốn đối ứng bố trí từ ngân sách nhà nước cấp tỉnh theo kế hoạch hàng năm. Riêng các dự án do địa phương làm chủ dự án hoặc dự án có khả năng thu hồi vốn thì chi phí giải phóng mặt bằng do chủ dự án bố trí và phải có cam kết thời hạn hoàn thành giải phóng mặt bằng phù hợp với tiến độ của từng gói thầu thuộc chương trình, dự án.

Điều 12. Quản lý và thực hiện dự án ODA, NGO nước ngoài

1. Đối với các dự án hợp phần của dự án ODA, NGO nước ngoài do các Bộ, ngành làm chủ dự án, Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm thẩm định kế

hoạch tổng thể thực hiện dự án, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt ngay sau khi dự án được nhà tài trợ chính thức thông qua và được các cơ quan Trung ương phê duyệt. Trong trường hợp kế hoạch tổng thể có sự thay đổi làm kéo dài thời gian thực hiện dự án so với điều ước quốc tế đã ký kết, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định.

Quyết định phê duyệt kế hoạch tổng thể của dự án (bản gốc) gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và nhà tài trợ để làm cơ sở cho việc theo dõi, đánh giá quá trình thực hiện dự án.

2. Vào tháng 6 hàng năm, các chủ dự án, các cơ quan thực hiện dự án có trách nhiệm lập kế hoạch sử dụng vốn ODA, NGO nước ngoài, vốn đối ứng của từng dự án do đơn vị quản lý sẽ thực hiện trong năm kèm theo báo cáo thuyết minh và các vấn đề vướng mắc tồn tại, kiến nghị biện pháp giải quyết gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư đúng thời gian quy định để kịp thời tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm.

3. Bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, tái định cư thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết.

4. Việc đấu thầu, đấu giá để thực hiện chương trình dự án ODA, NGO nước ngoài thực hiện theo các quy định của Nhà nước về đấu thầu, đấu giá. Đối với chương trình dự án ODA ngoài việc tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam còn phải tuân thủ điều ước quốc tế về ODA mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

5. Thuế áp dụng cho các dự án có vốn ODA, NGO nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam về thuế. Trong trường hợp quy định của Việt Nam khác với quy định của bên tài trợ thì tuân theo nguyên tắc nêu trong khoản 3, Điều 2 của Quy chế này.

Điều 13. Điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung dự án ODA, NGO nước ngoài

1. Trong trường hợp điều chỉnh bổ sung nội dung dự án do Ủy ban Nhân dân tỉnh là cơ quan chủ quản: Theo khoản 1, điểm a khoản 2 điều 31 của quy chế ODA và điểm a khoản 2 điều 22 của quy chế NGO nước ngoài, các chủ dự án có văn bản đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định trình UBND tỉnh báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các Bộ, ngành liên quan trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2. Trường hợp dự án do các Bộ, ngành là cơ quan chủ quản có điều chỉnh, bổ sung nội dung dự án hoặc sử dụng vốn dự để bổ sung khối lượng mà không làm thay đổi văn kiện được duyệt: Theo điểm b khoản 2 điều 31 quy chế ODA, điểm b khoản 2 điều 22 quy chế NGO nước ngoài thì chủ dự án có văn bản đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo thẩm quyền.

3. Việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung dự án hợp phần, các chủ dự án thống nhất với Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để trình các Bộ, ngành trung ương.

Điều 14. Quản lý xây dựng, nghiệm thu, bàn giao và quyết toán

1. Đối với dự án đầu tư: Việc thẩm định phê duyệt dự án đầu tư (kể cả dự án hợp phần), thẩm định phê duyệt thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán, cấp giấy phép xây dựng, đấu thầu xây dựng, quản lý chất lượng công trình, nghiệm thu bàn giao, bảo hành, bảo trì, bảo hiểm công trình các nguồn vốn ODA, NGO nước ngoài thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý đầu tư và xây dựng và các điều ước quốc tế Nhà nước ký kết.

2. Đối với chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật: Sau khi kết thúc, chủ chương trình, dự án tổ chức nghiệm thu, bàn giao.

Trong thời gian tối thiểu 3 tháng tính từ ngày bàn giao đưa vào khai thác sử dụng, chủ dự án lập báo cáo quyết toán dự án hoàn thành thuộc phạm vi quản lý gửi Sở Tài chính và Sở Kế hoạch và Đầu tư. Việc quyết toán các chương trình, dự án, các khoản viện trợ ODA, NGO phải thực hiện theo các quy định hiện hành và các điều ước quốc tế đang có hiệu lực tại Việt Nam.

Điều 15. Theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tiếp nhận quản lý, sử dụng nguồn vốn ODA, NGO nước ngoài

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư kiểm tra, giám sát, tổng hợp và xử lý theo thẩm quyền những khó khăn vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện dự án, chủ trì phối hợp với cơ quan liên quan kiến nghị, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định những vấn đề vượt quá thẩm quyền.

2. Các ngành, các cấp, các chủ dự án, các Ban quản lý dự án có trách nhiệm thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát bảo đảm thực hiện dự án đúng mục tiêu, tiến độ và chất lượng theo nội dung dự án được phê duyệt và có trách nhiệm báo cáo tình hình thực hiện dự án (theo mẫu tại Quyết định 803/2007/QĐ-BKH ngày 30/7/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành chế độ báo cáo tình hình thực hiện các chương trình, dự án ODA; phụ lục 6,7,8 Thông tư 07/2010/TT-BKH ngày 30/3/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn quy chế NGO nước ngoài) đề xuất những khó khăn vướng mắc phát sinh với Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư và một số cơ quan có thẩm quyền khác.

3. Chủ dự án chỉ đạo, đôn đốc hỗ trợ Ban quản lý dự án đánh giá dự án, phối hợp với địa phương thực hiện giám sát cộng đồng và giải quyết những khó khăn vướng mắc. Trường hợp không xử lý được thì báo cáo cấp có thẩm quyền giải quyết.

4. Ban quản lý dự án có trách nhiệm theo dõi, đánh giá chương trình dự án theo quy định tại khoản 1, điều 35 của quy chế ODA và khoản 1 điều 26 của quy chế NGO nước ngoài.

Điều 16. Báo cáo thực hiện

Chủ dự án, Ban quản lý dự án phải thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo quy định tại khoản 1 điều 36 của quy chế ODA, khoản 1 và 2 điều 27 của quy chế NGO nước ngoài.

Chương V

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ODA VÀ NGO NƯỚC NGOÀI

Điều 17. Quản lý nhà nước về ODA và NGO nước ngoài

1. Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về ODA và NGO nước ngoài trên địa bàn tỉnh thông qua các ngành chức năng, hệ thống tham mưu của tỉnh bao gồm: Xác định chủ trương, phương hướng thu hút vốn viện trợ nước ngoài, xây dựng quy hoạch và kế hoạch, xây dựng các chương trình, dự án để vận động xúc tiến tìm các nguồn viện trợ, đề nghị viện trợ hoặc cho phép sử dụng viện trợ, tổ chức chỉ đạo triển khai các chương trình dự án ODA, NGO nước ngoài thuộc thẩm quyền, tổ chức giám sát và đánh giá kết quả sử dụng nguồn viện trợ nước ngoài.

2. Các chương trình, dự án đề nghị viện trợ và cho phép sử dụng nguồn ODA và NGO nước ngoài (trừ viện trợ khẩn cấp, khắc phục thiên tai, dịch bệnh...) của các cơ quan, đơn vị trong tỉnh trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định phải có ý kiến của cơ quan chủ quản, cơ quan quản lý ngành kinh tế kỹ thuật, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính.

Điều 18. Nhiệm vụ của Sở Kế hoạch và Đầu tư

Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối trong việc thu hút, điều phối và quản lý ODA, NGO nước ngoài trên địa bàn tỉnh có nhiệm vụ sau:

1. Phối hợp với các cơ quan liên quan, căn cứ vào quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh từng năm, từng thời kỳ, căn cứ lĩnh vực ưu tiên sử dụng ODA, NGO nước ngoài của nhà nước, hướng dẫn các ngành, các đơn vị xây dựng các chương trình dự án ODA, NGO nước ngoài và tổng hợp thành danh mục yêu cầu tài trợ trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt làm cơ sở cho việc xúc tiến, tìm nguồn tài trợ, đề nghị đưa vào danh mục tài trợ chính thức của Chính phủ, Bộ, ngành trung ương.

2. Chủ trì soạn thảo, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về hướng dẫn quản lý sử dụng ODA, NGO nước ngoài trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

3. Chủ trì thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt các dự án ODA, NGO nước ngoài quy định tại điểm 2 điều 19 của quy chế ODA, điểm b khoản 1 điều 15 của quy chế NGO; trực tiếp thẩm định kế hoạch tổng thể thực hiện dự án theo quy định tại Khoản 1 Điều 12 Quy chế này. Thẩm định công tác đấu thầu, đấu giá các dự án ODA, NGO theo quy định.

4. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan chuẩn bị và tổ chức các hoạt động vận động nguồn vốn ODA, NGO nước ngoài cho các chương trình dự án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hoặc đồng ý tiếp nhận.

5. Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan tổng hợp, lập kế hoạch giải ngân vốn ODA, NGO nước ngoài và bố trí vốn đối ứng (vốn chuẩn bị đầu tư, vốn đầu tư xây dựng cơ bản và vốn hành chính sự nghiệp) từ ngân sách Nhà nước trong kế hoạch vốn hàng năm.

6. Theo dõi, kiểm tra tình hình thực hiện dự án, là đầu mối xử lý các vấn đề liên quan đến nhiều Sở ngành, kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh biện pháp giải quyết, phối hợp với chủ dự án tổ chức thực hiện các giải pháp đồng bộ nhằm thực hiện đúng cam kết với nhà tài trợ và nâng cao hiệu quả sử dụng ODA, NGO nước ngoài.

7. Định kỳ tổng hợp báo cáo mỗi quý một lần tình hình quản lý và sử dụng ODA và NGO nước ngoài với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh và các Bộ, ngành có liên quan.

Điều 19. Nhiệm vụ của Sở Tài chính

1. Phối hợp với các cơ quan liên quan chuẩn bị chương trình dự án sử dụng vốn ODA, NGO nước ngoài, tham gia đàm phán những vấn đề thuộc lĩnh vực ngành quản lý. Hướng dẫn, kiểm tra chế độ quản lý tài chính đối với các chương trình, dự án theo các quy định hiện hành. Tổ chức hạch toán, kế toán ngân sách nhà nước, tổng hợp quyết toán tài chính của các khoản viện trợ định kỳ theo quy định của Bộ Tài chính.

2. Phối hợp cơ quan có liên quan xây dựng cơ chế quản lý tài chính đối với chương trình dự án do Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu; phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan chức năng của tỉnh đề xuất nguồn vốn đối ứng trong kế hoạch ngân sách hàng năm của tỉnh, bảo đảm việc cấp phát đầy đủ, đúng tiến độ cho các chương trình dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Kiểm tra, giám sát việc sử dụng và quyết toán dự án ODA, NGO nước ngoài. Tổng hợp số liệu giải ngân bao gồm vốn ODA, NGO nước ngoài và vốn đối ứng báo cáo Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tài chính theo quy định.

4. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan có liên quan tham gia ý kiến thẩm định, theo dõi, kiểm tra tình hình tiếp nhận, quản lý sử dụng các chương trình, dự án sử dụng nguồn viện trợ nước ngoài nêu tại quy chế này.

Điều 20. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

1. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, điều hành, thống nhất quản lý nhà nước về ODA, NGO và kiểm tra, đôn đốc thực hiện quy chế này.

2. Thẩm tra và kiến nghị về cơ chế, chính sách, cách thức tổ chức thực hiện chương trình dự án trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 21. Nhiệm vụ của các ngành các cấp, các đơn vị sử dụng ODA, NGO nước ngoài

1. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan liên quan xây dựng định hướng quy hoạch thu hút sử dụng ODA, NGO nước ngoài, đề xuất danh mục chương trình dự án và tham gia vận động các dự án ưu tiên gọi vốn ODA, NGO nước ngoài của ngành, của địa phương, đơn vị.

2. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với chương trình dự án theo chức năng nhiệm vụ và theo quy định của pháp luật. Khi có yêu cầu, chịu trách

nhiệm xem xét và có ý kiến bằng văn bản về các vấn đề có liên quan đến chương trình dự án trong thời gian quy định.

3. Tổ chức thực hiện, bảo đảm chất lượng và hiệu quả sử dụng ODA, NGO nước ngoài đối với chương trình dự án ngành mình quản lý. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng và thực hiện các biện pháp đồng bộ để nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng vốn viện trợ nước ngoài.

4. Báo cáo tình hình các dự án hợp phần sử dụng vốn ODA, vốn viện trợ NGO nước ngoài với Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính do các Bộ, ngành TW làm chủ đầu tư viện trợ cho Sở ngành, địa phương, đơn vị trong tỉnh.

5. Có trách nhiệm xây dựng báo cáo định kỳ và báo cáo đột xuất bảo đảm đủ thông tin, đúng tiến độ, đúng biểu mẫu về tình hình thực hiện dự án ODA, NGO do ngành, cấp mình quản lý gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 22. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác vận động, quản lý và sử dụng ODA, NGO nước ngoài thì được khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

2. Các tổ chức, cá nhân có các hành vi vi phạm trong quản lý và sử dụng nguồn ODA, NGO nước ngoài thì tùy theo tính chất mức độ của hành vi vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Điều khoản thi hành

Quy chế này thay thế quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 785/1998/QĐ-UB ngày 17/12/1998 của UBND tỉnh.

Trong quá trình thực hiện quy chế này nếu có vướng mắc, các cơ quan đơn vị quản lý và sử dụng vốn ODA, NGO nước ngoài, kịp thời phản ánh về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. /

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH



Phạm Văn Sinh

Phụ lục 1:
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CHƯƠNG TRÌNH,
DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA

PHỤ LỤC 1a
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
DỰ ÁN HỖ TRỢ KỸ THUẬT SỬ DỤNG VỐN ODA
(Tên dự án)

(Tên cơ quan chủ quản)

(Tên đơn vị đề xuất dự án)

THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án:
2. Mã ngành dự án¹:
3. Tên nhà tài trợ:
4. Cơ quan chủ quản:
 - a. Địa chỉ liên lạc:.....
 - b. Số điện thoại/Fax:.....
5. Đơn vị đề xuất dự án:
 - a. Địa chỉ liên lạc:.....
 - b. Số điện thoại/Fax:.....
6. Chủ dự án dự kiến:
 - a. Địa chỉ liên lạc:.....
 - b. Số điện thoại/Fax:.....
7. Thời gian dự kiến thực hiện dự án²:
8. Địa điểm thực hiện dự án:
9. Tổng vốn dự kiến của dự án:.....USD

Trong đó:

- Vốn ODA dự kiến:..... nguyên tệ, tương đương.....USD

(theo tỷ giá chuyển đổi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm xây dựng Đề cương chi tiết dự án)

- Vốn đối ứng dự kiến:.....VND, tương đương với.....USD

10. Hình thức cung cấp ODA

a. ODA không hoàn lại

b. ODA vay ưu đãi

c. ODA vay hỗn hợp

¹ Mã ngành kinh tế quốc dân của dự án, phân theo Danh mục Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam 2007 (Ban hành kèm theo Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ)

² Xác định số năm hoặc số tháng cần thiết để thực hiện dự án kể từ ngày dự án có hiệu lực.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT DỰ ÁN HỖ TRỢ KỸ THUẬT SỬ DỤNG VỐN ODA

I. Bối cảnh và sự cần thiết của dự án

1. Mô tả tóm tắt quy hoạch, kế hoạch phát triển của đơn vị thụ hưởng (cơ quan, ngành, lĩnh vực) liên quan đến nội dung của dự án và sự cần thiết, vai trò, vị trí của dự án trong quy hoạch, kế hoạch đó.

2. Khái quát các chương trình, dự án khác đã và đang thực hiện bằng những nguồn vốn khác nhau nhằm mục đích hỗ trợ giải quyết các vấn đề có liên quan của đơn vị đề xuất dự án.

3. Khái quát những vấn đề cần giải quyết trong phạm vi của dự án đề xuất.

4. Nêu rõ những đối tượng thụ hưởng trực tiếp của dự án đề xuất.

II. Cơ sở đề xuất nhà tài trợ

1. Tính phù hợp của mục tiêu dự án với chính sách và định hướng ưu tiên của nhà tài trợ.

2. Phân tích lý do lựa chọn và lợi thế của nhà tài trợ về công nghệ, kinh nghiệm quản lý, tư vấn chính sách thuộc lĩnh vực được tài trợ.

3. Các điều kiện ràng buộc theo quy định của nhà tài trợ (nếu có) và khả năng đáp ứng các điều kiện này của phía Việt Nam.

III. Mục tiêu của dự án

1. Mục tiêu dài hạn

2. Mục tiêu ngắn hạn

IV. Các kết quả chủ yếu của dự án

Kết quả dự kiến đạt được của dự án (theo từng cấu phần nếu có)

V. Cấu phần, hoạt động chủ yếu và dự kiến phân bổ nguồn lực của dự án

Mô tả tóm tắt các cấu phần, hoạt động chủ yếu theo từng kết quả của dự án (trong đó nêu rõ từng kết quả theo từng cấu phần) và nguồn lực dự kiến tương ứng.

VI. Kiến nghị cơ chế tài chính trong nước đối với dự án

1. Đối với vốn ODA

Vốn ODA:..... nguyên tệ, tương đương.....USD, trong đó:

- Ngân sách cấp phát hành chính sự nghiệp.....% tổng vốn ODA

- Cho vay lại.....% tổng vốn ODA

2. Đối với vốn đối ứng

Vốn đối ứng:.....VND,

Trong đó: - Hiện vật: tương đương.....VNDTiền mặt:.....VND

Nguồn vốn đối ứng được huy động theo một hoặc một số hình thức sau:

- Vốn ngân sách Trung ương cấp phát:.....VND (...%) tổng vốn đối ứng

- Vốn khác (nêu rõ nguồn vốn):..... VND (...%) tổng vốn đối ứng

VII. Tổ chức quản lý thực hiện dự án

1. Phương thức tổ chức quản lý thực hiện dự án

2. Khái quát cơ chế làm việc, quan hệ giữa các cơ quan: cơ quan chủ quản, chủ dự án, Ban quản lý dự án, các nhà thầu, nhà tài trợ và các bên tham gia khác để thực hiện và quản lý dự án.

3. Năng lực tổ chức, quản lý thực hiện của chủ dự án dự kiến sẽ được giao thực hiện dự án.

VIII. Phân tích sơ bộ tính khả thi của dự án

IX. Phân tích sơ bộ hiệu quả của dự án

1. Đánh giá hiệu quả trực tiếp đối với đơn vị thực hiện.

2. Đánh giá tác động kinh tế, môi trường và xã hội đối với ngành, lĩnh vực và địa phương.

3. Đánh giá tính bền vững của dự án sau khi kết thúc

.....ngày.....tháng.....năm

Thủ trưởng Đơn vị đề xuất dự án

(Ký tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC 1b
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG VỐN ODA
(Tên dự án)

(Tên cơ quan chủ quản)

(Tên đơn vị đề xuất dự án)

THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án:

2. Mã ngành dự án¹:

3. Tên nhà tài trợ:

4. Cơ quan chủ quản:

a. Địa chỉ liên lạc:.....b. Số điện thoại/Fax:.....

5. Đơn vị đề xuất dự án:

a. Địa chỉ liên lạc:.....b. Số điện thoại/Fax:.....

6. Chủ dự án dự kiến:

a. Địa chỉ liên lạc:.....b. Số điện thoại/Fax:.....

7. Thời gian dự kiến thực hiện dự án²:

8. Địa điểm thực hiện dự án:

9. Tổng vốn dự kiến của dự án:.....USD

Trong đó:

- Vốn ODA:..... nguyên tệ, tương đương.....USD

(theo tỷ giá chuyên đổi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm xây dựng Đề cương chi tiết dự án)

- Vốn đối ứng:.....VND, tương đương với.....USD

10. Hình thức cung cấp ODA

a. ODA không hoàn lại

b. ODA vay ưu đãi

c. ODA vay hỗn hợp

¹ Mã ngành kinh tế quốc dân của dự án, phân theo Danh mục Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam 2007 (Ban hành kèm theo Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ)

² Xác định số năm hoặc số tháng cần thiết để thực hiện dự án kể từ ngày dự án có hiệu lực.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG VỐN ODA

I. Bối cảnh và sự cần thiết của dự án

1. Mô tả tóm tắt quy hoạch, kế hoạch phát triển của đơn vị thụ hưởng (cơ quan, ngành, lĩnh vực) liên quan đến nội dung của dự án và sự cần thiết, vai trò, vị trí của dự án trong quy hoạch, kế hoạch đó.

2. Khái quát các chương trình, dự án khác đã và đang thực hiện bằng những nguồn vốn khác nhau nhằm mục đích hỗ trợ giải quyết các vấn đề có liên quan của đơn vị đề xuất dự án.

3. Khái quát những vấn đề cần giải quyết trong phạm vi của dự án đề xuất.

4. Nêu rõ những đối tượng thụ hưởng trực tiếp của dự án đề xuất.

II. Cơ sở đề xuất nhà tài trợ

1. Tính phù hợp của mục tiêu dự án với chính sách và định hướng ưu tiên của nhà tài trợ.

2. Phân tích lý do lựa chọn và lợi thế của nhà tài trợ về công nghệ, kinh nghiệm quản lý, tư vấn chính sách thuộc lĩnh vực được tài trợ.

3. Các điều kiện ràng buộc theo quy định của nhà tài trợ (nếu có) và khả năng đáp ứng các điều kiện này của phía Việt Nam.

III. Các mục tiêu của dự án

1. Mục tiêu dài hạn

2. Mục tiêu ngắn hạn

IV. Các kết quả chủ yếu của dự án

Kết quả dự kiến đạt được của dự án (theo từng cấu phần, hạng mục nếu có)

V. Cấu phần, hạng mục, hoạt động chủ yếu và dự kiến phân bổ nguồn lực của dự án

Mô tả tóm tắt các cấu phần, hạng mục, hoạt động chủ yếu theo từng kết quả của dự án (trong đó nêu rõ từng kết quả theo từng cấu phần, hạng mục) và nguồn lực dự kiến tương ứng.

VI. Kiến nghị cơ chế tài chính trong nước đối với dự án

1. Đối với vốn ODA

Vốn ODA:..... nguyên tệ, tương đương.....USD, trong đó:

- Ngân sách cấp phát XDCB.....% tổng vốn ODA

- Ngân sách cấp phát hành chính sự nghiệp.....% tổng vốn ODA

- Cho vay lại.....% tổng vốn ODA

2. Đối với vốn đối ứng

Vốn đối ứng:.....VND,

Trong đó: - Hiện vật: tương đương.....VNDTiền mặt:.....VND

Nguồn vốn đối ứng được huy động theo một hoặc một số hình thức sau:

- Vốn ngân sách Trung ương cấp phát:.....VND (...%) tổng vốn đối ứng

- Vốn khác (nêu rõ nguồn vốn):..... VND (...%) tổng vốn đối ứng

VII. Tổ chức quản lý thực hiện dự án

1. Phương thức tổ chức quản lý thực hiện dự án

2. Khái quát cơ chế làm việc, quan hệ giữa các cơ quan: cơ quan chủ quản, chủ dự án, Ban quản lý dự án, các nhà thầu, nhà tài trợ và các bên tham gia khác để thực hiện và quản lý dự án.

3. Năng lực tổ chức, quản lý thực hiện của chủ dự án dự kiến sẽ được giao thực hiện dự án, bao gồm cả năng lực tài chính (đối với các dự án cho vay lại là giải trình khả năng và phương án trả nợ của chủ dự án).

VIII. Phương án xây dựng và công nghệ dự kiến để thực hiện dự án

IX. Phân tích sơ bộ tính khả thi của dự án (về kinh tế, tài chính, công nghệ, năng lực tổ chức thực hiện)

X. Phân tích sơ bộ hiệu quả dự án

1. Đánh giá hiệu quả trực tiếp đối với đơn vị thực hiện.

2. Đánh giá tác động kinh tế, xã hội và môi trường đối với ngành, lĩnh vực và địa phương.

3. Đánh giá tính bền vững của dự án sau khi kết thúc

.....ngày.....tháng....năm

Thủ trưởng Đơn vị đề xuất dự án

(Ký tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC 1c
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
CHƯƠNG TRÌNH SỬ DỤNG VỐN ODA¹
(Tên chương trình)

(Tên cơ quan chủ quản)
(Tên đơn vị đề xuất chương trình)

THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ CHƯƠNG TRÌNH

1. Tên chương trình:
2. Mã ngành chương trình²:
3. Tên nhà tài trợ:
4. Cơ quan chủ quản:
 - a. Địa chỉ liên lạc:.....b. Số điện thoại/Fax:.....
5. Đơn vị đề xuất chương trình:
 - a. Địa chỉ liên lạc:.....b. Số điện thoại/Fax:.....
6. Chủ chương trình dự kiến:
 - a. Địa chỉ liên lạc:.....b. Số điện thoại/Fax:.....
7. Thời gian dự kiến thực hiện chương trình³:
8. Địa điểm thực hiện chương trình:
9. Tổng vốn của chương trình:.....USD

Trong đó:

- Vốn ODA:..... nguyên tệ, tương đương.....USD

(theo tỷ giá chuyển đổi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm xây dựng Đề cương chi tiết chương trình)

- Vốn đối ứng:.....VND, tương đương với.....USD

10. Hình thức cung cấp ODA

- a. ODA không hoàn lại
- b. ODA vay ưu đãi
- c. ODA vay hỗn hợp

¹ Áp dụng đối với chương trình, dự án có nhiều cấu phần, đa lĩnh vực và chỉ có một cơ quan chủ quản.

² Mã ngành kinh tế quốc dân của chương trình, phân theo Danh mục Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam 2007 (Ban hành kèm theo Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ)

³ Xác định số năm hoặc số tháng cần thiết để thực hiện chương trình kể từ ngày chương trình có hiệu lực.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
CHƯƠNG TRÌNH SỬ DỤNG VỐN ODA¹

I. Bối cảnh và sự cần thiết của chương trình

1. Mô tả tóm tắt quy hoạch, kế hoạch dài hạn phát triển của đơn vị thụ hưởng (cơ quan, ngành, lĩnh vực, địa phương) liên quan đến nội dung của chương trình và sự cần thiết, vai trò, vị trí của chương trình trong khung khổ quy hoạch, kế hoạch đó.

2. Khái quát các chương trình, dự án khác đã và đang thực hiện bằng những nguồn vốn khác nhau nhằm mục đích hỗ trợ giải quyết các vấn đề có liên quan của đơn vị đề xuất chương trình.

3. Khái quát những vấn đề cần giải quyết trong phạm vi của chương trình đề xuất.

4. Nêu rõ những đối tượng thụ hưởng trực tiếp của chương trình đề xuất.

II. Cơ sở đề xuất nhà tài trợ

1. Tính phù hợp của mục tiêu chương trình với chính sách và định hướng ưu tiên của nhà tài trợ.

2. Phân tích lý do lựa chọn và lợi thế của nhà tài trợ về công nghệ, kinh nghiệm quản lý, tư vấn chính sách thuộc lĩnh vực được tài trợ.

3. Các điều kiện ràng buộc theo quy định của nhà tài trợ (nếu có) và khả năng đáp ứng các điều kiện này của phía Việt Nam.

III. Các mục tiêu của chương trình

1. Mục tiêu tổng thể

2. Mục tiêu thành phần

IV. Các kết quả chủ yếu của chương trình

Kết quả dự kiến đạt được của chương trình

V. Các thành phần nội dung chủ yếu của chương trình và dự kiến phân bổ nguồn lực của chương trình

Mô tả tóm tắt nội dung và quan hệ giữa các dự án thành phần (nếu có) hoặc nội dung các câu phần và các hoạt động chính theo từng kết quả dự kiến của chương trình; và các nguồn lực dự kiến tương ứng.

VI. Kiến nghị cơ chế tài chính trong nước đối với chương trình

1. Đối với vốn ODA

Vốn ODA:..... nguyên tệ, tương đương.....USD, trong đó:

- Ngân sách cấp phát XDCB.....% tổng vốn ODA

- Ngân sách cấp phát hành chính sự nghiệp.....% tổng vốn ODA

- Cho vay lại.....% tổng vốn ODA

2. Đối với vốn đối ứng

Vốn đối ứng:..... VND,

Trong đó: - Hiện vật: tương đương.....VND- Tiền mặt:.....VND

Nguồn vốn đối ứng được huy động theo một hoặc một số hình thức sau:

- Vốn ngân sách Trung ương cấp phát:.....VND (...%) tổng vốn đối ứng

- Vốn khác (nêu rõ nguồn vốn):..... VND (...%) tổng vốn đối ứng

VII. Tổ chức quản lý thực hiện chương trình

1. Cấu trúc tổ chức thực hiện chương trình và các cấu phần hoặc hoạt động trong khuôn khổ chương trình.

2. Phương thức quản lý các nguồn lực của chương trình, các dự án thành phần (cấu phần, hoạt động) trong khuôn khổ chương trình.

3. Năng lực tổ chức, quản lý thực hiện của chủ chương trình dự kiến, kể cả chủ dự án thành phần (cấu phần) sẽ được giao thực hiện chương trình, bao gồm cả năng lực tài chính.

VIII. Phương án xây dựng và công nghệ dự kiến để thực hiện chương trình (áp dụng đối với các chương trình đầu tư)

IX. Phân tích sơ bộ tính khả thi của chương trình (về kinh tế, tài chính, công nghệ, năng lực tổ chức thực hiện)

X. Phân tích sơ bộ hiệu quả chương trình

1. Đánh giá hiệu quả trực tiếp đối với đơn vị thực hiện.

2. Đánh giá tác động kinh tế, xã hội và môi trường đối với ngành, địa phương.

3. Đánh giá tính bền vững của chương trình sau khi kết thúc

.....ngày.....tháng.....năm

Thủ trưởng Đơn vị đề xuất dự án

(Ký tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC 1d
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỖ TRỢ ODA TIẾP CẬN THEO CHƯƠNG TRÌNH HOẶC NGÀNH
(Tên chương trình, ngành hoặc lĩnh vực)¹

(Tên cơ quan chủ quản chương trình, ngành hoặc lĩnh vực)
(Tên đơn vị phụ trách chương trình, ngành hoặc lĩnh vực)

THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ PHƯƠNG THỨC HỖ TRỢ

1. Tên chương trình, ngành hoặc lĩnh vực:
2. Mã chương trình, ngành hoặc lĩnh vực²:
3. Tên nhà tài trợ:
4. Cơ quan chủ quản chương trình, ngành hoặc lĩnh vực:
 - a. Địa chỉ liên lạc:.....
 - b. Số điện thoại/Fax:.....
5. Đơn vị phụ trách chương trình, ngành hoặc lĩnh vực:
 - a. Địa chỉ liên lạc:.....
 - b. Số điện thoại/Fax:.....
6. Thời gian dự kiến thực hiện hỗ trợ chương trình, ngành hoặc lĩnh vực³:
7. Địa điểm thực hiện:
8. Tổng vốn đề xuất hỗ trợ chương trình, ngành hoặc lĩnh vực:.....USD
Trong đó:
 - Vốn ODA:..... nguyên tệ, tương đương.....USD
(theo tỷ giá chuyển đổi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm xây dựng Đề cương chi tiết)
 - Vốn đối ứng:..... VND, tương đương với.....USD
9. Hình thức cung cấp ODA
 - a. ODA không hoàn lại
 - b. ODA vay ưu đãi
 - c. ODA vay hỗn hợp

¹ Tên chương trình đang thực hiện hoặc ngành hoặc lĩnh vực sẽ được hỗ trợ ODA

² Mã ngành kinh tế quốc dân của dự án, phân theo Danh mục Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam 2007 (Ban hành kèm theo Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ)

³ Xác định số năm hoặc số tháng cần thiết để thực hiện hỗ trợ kể từ ngày phương thức hỗ trợ có hiệu lực.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỖ TRỢ ODA TIẾP CẬN THEO CHƯƠNG TRÌNH HOẶC NGÀNH

I. Thông tin khái quát về chương trình, ngành hoặc lĩnh vực

1. Mục tiêu, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động của chương trình, ngành hoặc lĩnh vực trong khuôn khổ chiến lược quy hoạch, kế hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền phía Việt Nam phê duyệt.

2. Mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể được đặt ra đối với chương trình, ngành hoặc lĩnh vực trong thời kỳ xác định.

3. Cơ cấu, tổ chức của chương trình, ngành hoặc lĩnh vực.

4. Hệ thống quản lý chương trình, ngành hoặc lĩnh vực và năng lực cán bộ quản lý chương trình, ngành hoặc lĩnh vực.

5. Ngân sách của chương trình, ngành hoặc lĩnh vực: nhu cầu, nguồn thu, các khoản chi; cơ chế quản lý và thực hiện ngân sách.

II. Sự cần thiết hỗ trợ ODA

1. Khái quát những nội dung trong khuôn khổ chương trình, ngành hoặc lĩnh vực có nhu cầu hỗ trợ ODA. Nêu rõ cơ sở của những nhu cầu này.

2. Sự kết nối các nội dung có sự hỗ trợ của ODA với các nội dung của chương trình, ngành hoặc lĩnh vực đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt để đảm bảo tính toàn diện và đồng bộ trong phát triển chương trình hoặc ngành nhằm đạt được hiệu quả tối ưu.

3. Cơ chế lồng ghép ODA với ngân sách trong nước để thực hiện chương trình, ngành hoặc lĩnh vực.

4. Nhu cầu tăng cường thể chế và năng lực quản lý chương trình, ngành hoặc lĩnh vực.

III. Cơ sở đề xuất nhà tài trợ

1. Tính phù hợp của đề xuất hỗ trợ ODA với chính sách và định hướng ưu tiên của nhà tài trợ

2. Phân tích lý do lựa chọn và lợi thế của nhà tài trợ về công nghệ, kinh nghiệm quản lý, tư vấn chính sách thuộc ngành, lĩnh vực được tài trợ.

3. Các điều kiện ràng buộc theo quy định của nhà tài trợ (nếu có) và khả năng đáp ứng các điều kiện này của phía Việt Nam.

IV. Mục tiêu của hỗ trợ chương trình, ngành hoặc lĩnh vực

1. Mục tiêu dài hạn

2. Mục tiêu ngắn hạn

V. Các kết quả chủ yếu của hỗ trợ chương trình, ngành hoặc lĩnh vực

Kết quả gia tăng từ hỗ trợ chương trình, ngành hoặc lĩnh vực.

VI. Nội dung của hỗ trợ chương trình, ngành hoặc lĩnh vực và dự kiến phân bổ nguồn lực để thực hiện

Mô tả tóm tắt các cấu phần, hoạt động chủ yếu và những kết quả tương ứng; dự kiến phân bổ nguồn lực tương ứng để thực hiện.

VII. Kiến nghị cơ chế tài chính trong nước đối với hỗ trợ ODA

1. Đối với vốn ODA

Vốn ODA:..... nguyên tệ, tương đương.....USD, trong đó:

- Ngân sách cấp phát XDCB.....% tổng vốn ODA
- Ngân sách cấp phát hành chính sự nghiệp.....% tổng vốn ODA
- Cho vay lại.....% tổng vốn ODA

2. Đối với vốn đối ứng

Vốn đối ứng:.....VND,

Trong đó: Hiện vật.....VNDTiền mặt:.....VND

Nguồn vốn được huy động theo một hoặc một số hình thức sau:

- Vốn ngân sách Trung ương cấp phát:.....VND (...%) tổng vốn đối ứng
- Vốn khác (nêu rõ nguồn vốn):..... VND (...%) tổng vốn đối ứng

VIII. Tổ chức quản lý thực hiện

1. Phương thức tổ chức quản lý thực hiện hỗ trợ ODA.

2. Khái quát cơ chế làm việc, quan hệ giữa các cơ quan: cơ quan chủ quản chương trình, ngành hoặc lĩnh vực; đơn vị phụ trách chương trình, ngành hoặc lĩnh vực; các nhà thầu, nhà tài trợ và các bên tham gia khác để thực hiện và quản lý sự hỗ trợ.

3. Năng lực tổ chức, quản lý thực hiện của đơn vị phụ trách dự kiến sẽ được giao thực hiện.

IX. Phân tích sơ bộ tính khả thi của hỗ trợ ODA

X. Phân tích sơ bộ hiệu quả hỗ trợ ODA

1. Đánh giá hiệu quả trực tiếp của hỗ trợ ODA đối với chương trình, ngành hoặc lĩnh vực được hỗ trợ.

2. Đánh giá tính bền vững của hỗ trợ ODA sau khi kết thúc

XI. Những đề xuất về tăng cường thể chế và phát triển nguồn nhân lực trong chương trình, ngành hoặc lĩnh vực

.....ngày.....tháng....năm

Thủ trưởng Cơ quan chủ quản chương trình,
ngành hoặc lĩnh vực

(Ký tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC 1e
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN Ô
(Tên chương trình, dự án ô)

(Tên cơ quan chủ quản đề xuất chương trình, dự án ô)
(Tên đơn vị đề xuất chương trình, dự án ô)

THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN Ô

1. Tên chương trình, dự án ô:
2. Mã ngành chương trình, dự án ô¹:
3. Tên nhà tài trợ:
4. Cơ quan chủ quản chương trình, dự án ô:
 - a. Địa chỉ liên lạc:.....
 - b. Số điện thoại/Fax:.....
5. Tên các cơ quan chủ quản dự kiến tham gia chương trình, dự án ô:
 - a. Địa chỉ liên lạc:.....
 - b. Số điện thoại/Fax:.....
6. Chủ chương trình, dự án ô dự kiến:
 - a. Địa chỉ liên lạc:.....
 - b. Số điện thoại/Fax:.....
7. Thời gian dự kiến thực hiện chương trình, dự án ô²:
8. Địa điểm thực hiện chương trình, dự án ô:
9. Vốn của chương trình, dự án ô:
 - a. Tổng vốn của chương trình, dự án ô:.....USDTrong đó:
 - Vốn ODA:..... nguyên tệ, tương đương.....USD
(theo tỷ giá chuyển đổi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm xây dựng Đề cương chi tiết chương trình)
 - Vốn đối ứng:..... VND, tương đương với.....USD
- b. Vốn của từng dự án thành phần:
10. Hình thức cung cấp ODA
 - a. ODA không hoàn lại
 - b. ODA vay ưu đãi
 - c. ODA vay hỗn hợp

¹ Mã ngành kinh tế quốc dân của chương trình, phân theo Danh mục Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam 2007 (Ban hành kèm theo Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ)

² Xác định số năm hoặc số tháng cần thiết để thực hiện chương trình kể từ ngày chương trình, dự án ô có hiệu lực.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN Ô

I. Bối cảnh và sự cần thiết của chương trình, dự án ô

1. Mô tả tóm tắt quy hoạch, kế hoạch dài hạn phát triển của đơn vị thụ hưởng (cơ quan, ngành, lĩnh vực, địa phương) liên quan đến nội dung của chương trình, dự án ô và sự cần thiết, vai trò, vị trí của chương trình, dự án ô trong khung khổ quy hoạch, kế hoạch đó.

2. Khái quát các chương trình, dự án khác đã và đang thực hiện bằng những nguồn vốn khác nhau nhằm mục đích hỗ trợ giải quyết các vấn đề có liên quan của cơ quan chủ quản đề xuất chương trình, dự án ô.

3. Khái quát những vấn đề cần giải quyết trong phạm vi của chương trình, dự án ô đề xuất.

4. Nêu rõ những đối tượng thụ hưởng trực tiếp của chương trình, dự án ô đề xuất.

II. Cơ sở đề xuất nhà tài trợ

1. Tính phù hợp của mục tiêu chương trình, dự án ô với chính sách và định hướng ưu tiên của nhà tài trợ.

2. Phân tích lý do lựa chọn và lợi thế của nhà tài trợ về công nghệ, kinh nghiệm quản lý, tư vấn chính sách thuộc lĩnh vực được tài trợ.

3. Các điều kiện ràng buộc theo quy định của nhà tài trợ (nếu có) và khả năng đáp ứng các điều kiện này của phía Việt Nam.

III. Các mục tiêu của chương trình, dự án ô

1. Mục tiêu tổng thể

2. Mục tiêu của các dự án thành phần

IV. Các kết quả chủ yếu của chương trình, dự án ô

Kết quả dự kiến đạt được cuối cùng của chương trình, dự án ô

V. Các thành phần nội dung chủ yếu của chương trình, dự án ô và dự kiến phân bổ nguồn lực của chương trình, dự án ô

Mô tả tóm tắt nội dung và quan hệ giữa các dự án thành phần và các hoạt động chính theo từng kết quả dự kiến của chương trình, dự án ô; và các nguồn lực dự kiến tương ứng.

VI. Kiến nghị cơ chế tài chính trong nước đối với chương trình, dự án ô

1. Đối với vốn ODA

Vốn ODA:..... nguyên tệ, tương đương.....USD, trong đó:

- Ngân sách cấp phát XDCB..... % tổng vốn ODA

- Ngân sách cấp phát hành chính sự nghiệp.....% tổng vốn ODA

- Cho vay lại.....% tổng vốn ODA

2. Đối với vốn đối ứng

Vốn đối ứng:.....VND,

Trong đó: - Hiện vật: tương đương.....VNDTiền mặt:.....VND

Nguồn vốn đối ứng được huy động theo một hoặc một số hình thức sau:

- Vốn ngân sách Trung ương cấp phát:.....VND (...%) tổng vốn đối ứng

- Vốn khác (nêu rõ nguồn vốn):..... VND (...%) tổng vốn đối ứng

VII. Tổ chức quản lý thực hiện chương trình, dự án ô

1. Cấu trúc tổ chức thực hiện chương trình và các dự án thành phần trong khuôn khổ chương trình, dự án ô.

2. Phương thức quản lý các nguồn lực của chương trình, dự án ô; các dự án thành phần (cấu phần, hoạt động) trong khuôn khổ chương trình, dự án ô.

3. Năng lực tổ chức, quản lý thực hiện của chủ chương trình, dự án ô dự kiến, kể cả chủ dự án thành phần (cấu phần) sẽ được giao thực hiện chương trình, bao gồm cả năng lực tài chính.

VIII. Phương án xây dựng và công nghệ dự kiến để thực hiện chương trình, dự án ô (áp dụng đối với các chương trình, dự án ô đầu tư)

IX. Phân tích sơ bộ tính khả thi của chương trình, dự án ô (về kinh tế, tài chính, công nghệ, năng lực tổ chức thực hiện)

X. Phân tích sơ bộ hiệu quả chương trình, dự án ô

1. Đánh giá hiệu quả trực tiếp đối với các đơn vị tham gia thực hiện.

2. Đánh giá tác động kinh tế, xã hội và môi trường đối với ngành, địa phương.

3. Đánh giá tính bền vững của chương trình, dự án ô sau khi kết thúc

.....ngày..... tháng.... năm

Thủ trưởng Cơ quan chủ quản đề xuất

chương trình, dự án ô

(Ký tên và đóng dấu)

**PHỤ LỤC 2: ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT VĂN KIẾN, CHƯƠNG TRÌNH,
DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN VIỆN TRỢ PCPNN (NGO NƯỚC NGOÀI).**

**PHỤ LỤC 2a
NỘI DUNG VĂN KIẾN
DỰ ÁN HỖ TRỢ KỸ THUẬT SỬ DỤNG VỐN VIỆN TRỢ PCPNN
(Tên dự án)**

THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án :
2. Mã ngành dự án¹: Mã số dự án²:.....
3. Tên nhà tài trợ:
4. Cơ quan phê duyệt khoản viện trợ:
 - a) Địa chỉ liên lạc:.....
 - b) Số điện thoại/Fax:.....
5. Cơ quan chủ quản:
 - a) Địa chỉ liên lạc:.....
 - b) Số điện thoại/Fax:.....
6. Chủ dự án³:
 - a) Địa chỉ liên lạc:.....
 - b) Số điện thoại/Fax:.....
7. Thời gian dự kiến thực hiện dự án⁴:
8. Địa điểm thực hiện dự án (ghi rõ tới cấp huyện, nếu có thể áp dụng được):
9. Tổng vốn của dự án:USD
Trong đó:
 - a) Vốn viện trợ PCPNN không hoàn lại:nguyên tệ, tương đương..... USD
(theo tỷ giá chuyển đổi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm xây dựng Văn kiến dự án)
 - b) Vốn đối ứng:
 - Tiền mặt:VND tương đương với..... USD
 - Hiện vật: tương đươngVND tương đương với..... USD

10. Mục tiêu và kết quả chủ yếu của dự án

Khái quát mục tiêu và các kết quả của dự án

Chủ Dự án ký tên và đóng dấu

Ngày tháng năm

Đại diện Bên tài trợ ký tên và đóng dấu (nếu cần)

Ngày tháng năm

¹ Mã ngành kinh tế quốc dân của dự án, phân theo Danh mục Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam 2007 (Ban hành kèm theo Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ)

² Mã dự án - Không bắt buộc - có thể do Bên tài trợ quy định.

³ Chủ Dự án chính là Chủ khoản viện trợ

⁴ Xác định số năm hoặc số tháng cần thiết để thực hiện dự án kể từ ngày dự án có hiệu lực.

NỘI DUNG DỰ ÁN HỖ TRỢ KỸ THUẬT SỬ DỤNG VỐN VIỆN TRỢ PCPNN (NGO nước ngoài)

I. Căn cứ hình thành dự án

1. Cơ sở pháp lý của dự án
 - a) Quyết định phê duyệt Dự án của Cơ quan phê duyệt khoản viện trợ PCPNN
 - b) Quyết định của Cơ quan chủ quản về chủ dự án
 - c) Các văn bản pháp lý liên quan khác.
2. Bối cảnh của dự án
 - a) Mô tả chi tiết vai trò, vị trí và sự cần thiết của dự án trong khung khổ quy hoạch, kế hoạch phát triển của lĩnh vực có liên quan và của đơn vị thụ hưởng viện trợ PCPNN (cơ quan, ngành, lĩnh vực, địa phương).
 - b) Nêu các chương trình, dự án tương tự đã và đang thực hiện trong lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan chủ quản và các chương trình, dự án đã được tiếp nhận trong cùng một lĩnh vực để tránh trùng lặp và đảm bảo sự phối hợp, chia sẻ kết quả giữa các dự án với nhau nhằm phát huy hiệu quả tối đa.
3. Các vấn đề sẽ được giải quyết trong khuôn khổ dự án.
4. Nêu rõ những đối tượng thụ hưởng trực tiếp của dự án.

II. Cơ sở đề xuất nhà tài trợ

1. Mô tả tính phù hợp của mục tiêu dự án với chính sách và định hướng ưu tiên của nhà tài trợ.
2. Phân tích lý do lựa chọn và lợi thế của nhà tài trợ về công nghệ, kinh nghiệm quản lý, tư vấn chính sách thuộc lĩnh vực được tài trợ.
3. Nêu các điều kiện ràng buộc theo quy định của nhà tài trợ (nếu có) và khả năng đáp ứng các điều kiện này của phía Việt Nam.

III. Mục tiêu của dự án

1. Mục tiêu dài hạn
Mô tả hiệu quả, những lợi ích lâu dài mà dự án đóng góp vào sự phát triển của xã hội, ngành, lĩnh vực, địa phương và các nhóm đối tượng liên quan.
2. Mục tiêu ngắn hạn
Mô tả đích mà dự án cần đạt được khi kết thúc để đáp ứng nhu cầu trực tiếp của đối tượng thụ hưởng, từ đó hỗ trợ đạt được mục tiêu dài hạn.

IV. Các kết quả chủ yếu của dự án

Xác định rõ các kết quả cuối cùng của dự án và các chỉ số đo lường các kết quả đó

V. Những cấu phần và hoạt động của dự án

Mô tả chi tiết kế hoạch thực hiện các cấu phần hoặc tiểu dự án (nếu có) và hoạt động tương ứng của dự án theo các nội dung sau:

- Mục đích
- Các kết quả dự kiến
- Tổ chức thực hiện
- Thời gian bắt đầu và kết thúc
- Dự kiến nguồn lực

VI. Ngân sách dự án

1. Tổng vốn của dự án:USD

Trong đó:

a) Vốn viện trợ PCPNN không hoàn lại:....nguyên tệ, tương đương.... USD

(theo tỷ giá chuyển đổi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm xây dựng Văn kiện dự án)

b) Vốn đối ứng:.....VND tương đương với..... USD

Trong đó: - Hiện vật: tương đương..... VND

- Tiền mặt:..... VND

Nguồn vốn được huy động theo một hoặc một số các hình thức sau:

- Vốn ngân sách nhà nước cấp phát.....VND (... %) tổng vốn đối ứng

(trong đó: vốn NS trung ương %, vốn NS địa phương..... %)

- Vốn của cơ quan chủ quản.....VND (... %) tổng vốn đối ứng

- Vốn tự cân đối của chủ dự án.....VND (... %) tổng vốn đối ứng

- Vốn đóng góp của các đối tượng thụ hưởng (nếu có).....VND (... %) tổng vốn đối ứng.

2. Cơ cấu vốn theo: dịch vụ tư vấn (ước tính tỷ trọng chuyên gia trong nước/chuyên gia quốc tế), đào tạo (trong nước, nước ngoài); thiết bị và vật tư (trong nước, nhập khẩu), kinh phí tạo lập các quỹ triển khai hoạt động trong dự án (nếu có), các chi phí quản lý; chi phí theo dõi và đánh giá dự án, kiểm toán dự án và các chi phí khác.

VII. Các quy định về quản lý tài chính của dự án

1. Hình thức giải ngân (qua kho bạc, tài khoản đặc biệt hay tài khoản tạm ứng...)

2. Tổ chức công tác kế toán, thanh quyết toán

3. Trách nhiệm quản lý vốn (mở tài khoản, chủ tài khoản...)

4. Kiểm toán dự án

VIII. Tổ chức quản lý thực hiện dự án

1. Cơ cấu tổ chức

a) Mô hình tổ chức quản lý dự án theo thoả thuận với nhà tài trợ

b) Hoạt động của Ban quản lý dự án tuân theo quy định tại Thông tư số 07/2010/TT-BKH ngàyvề Hướng dẫn thực hiện Quy chế về quản lý và sử dụng viện trợ PCPNN ban hành kèm theo Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009

2. Cơ chế phối hợp

a) Phối hợp giữa cơ quan chủ quản, chủ dự án, Ban quản lý dự án (ban quản lý tiểu dự án)

b) Phối hợp giữa các đơn vị tham gia thực hiện dự án với nhà tài trợ và các cơ quan khác trong quá trình thực hiện dự án.

3. Năng lực tổ chức, quản lý thực hiện của chủ dự án sẽ được giao thực hiện dự án.

IX. Theo dõi và đánh giá dự án

1. Xây dựng chi tiết kế hoạch theo dõi thực hiện dự án trên các mặt:

a) Thực hiện dự án

b) Quản lý dự án

c) Xử lý, phản hồi thông tin theo dõi

2. Xây dựng chi tiết kế hoạch đánh giá tình hình thực hiện dự án

a) Đánh giá ban đầu

b) Đánh giá giữa kỳ

c) Đánh giá kết thúc

3. Chế độ kiểm tra, báo cáo của dự án

4. Cơ chế báo cáo

Tuân theo quy định tại Thông tư số .../2010/TT-BKH ngày về Hướng dẫn thực hiện Quy chế về quản lý và sử dụng viện trợ PCPNN ban hành kèm theo Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009

X. Tác động của dự án

1. Phân tích tác động của dự án đối với đối tượng thụ hưởng (trực tiếp, gián tiếp)

Nêu rõ những lợi ích đối với các đối tượng thụ hưởng sau khi dự án kết thúc (bằng định tính và định lượng).

2. Phân tích các tác động kinh tế, xã hội và môi trường của dự án sau khi kết thúc
 - a) Mô tả tác động kinh tế - xã hội của dự án: xoá đói giảm nghèo, tạo việc làm, thu nhập cho người dân, nâng cấp cơ sở hạ tầng....
 - b) Mô tả những tác động môi trường của dự án
3. Tác động giới

XI. Rủi ro

Đánh giá các rủi ro có thể xảy ra và nêu các biện pháp để khắc phục rủi ro.

XII. Đánh giá tính bền vững của dự án sau khi kết thúc

Đánh giá tính bền vững của dự án trên các phương diện:

1. Bền vững về kết quả: kết quả của dự án được duy trì và phát triển sau khi dự án kết thúc.
2. Bền vững về tổ chức: cơ cấu tổ chức, nguồn nhân lực của dự án được đảm bảo để có thể tiếp tục sau khi dự án kết thúc.
3. Bền vững về tài chính: sau khi hết tài trợ, các hoạt động của dự án có thể tự tạo ra kinh phí để tiếp tục các hoạt động cần thiết khác.
4. Bền vững về môi trường: môi trường tự nhiên quanh khu vực thực hiện dự án được bảo tồn sau khi dự án kết thúc.

Văn kiện dự án có thể kèm theo một số phụ lục sau:

1. Danh mục trang thiết bị cung cấp để thực hiện dự án
2. Khung logic của dự án
3. Điều khoản giao việc của các chức danh chủ chốt và dịch vụ tư vấn
4. Các bảng biểu bao gồm cả bảng tổng hợp và chi tiết về ngân sách dự án
5. Ảnh minh hoạ
6. Bản đồ
7. Các tài liệu có liên quan khác.

PHỤ LỤC 2b

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG VỐN VIỆN TRỢ PCPNN (Tên dự án)

(Tên cơ quan chủ quản)
(Tên đơn vị đề xuất dự án)

THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ DỰ ÁN

11. Tên dự án:

12. Mã ngành dự án⁵:

13. Tên nhà tài trợ:

14. Cơ quan phê duyệt khoản viện trợ:

a) Địa chỉ liên lạc:.....
thoại/Fax:.....

b) Số điện

15. Cơ quan chủ quản:

a) Địa chỉ liên lạc:.....
thoại/Fax:.....

b) Số điện

16. Đơn vị đề xuất dự án:

a) Địa chỉ liên lạc:.....
thoại/Fax:.....

b) Số điện

17. Chủ dự án dự kiến:

a) Địa chỉ liên lạc:.....
thoại/Fax:.....

b) Số điện

18. Thời gian dự kiến thực hiện dự án⁶:

19. Địa điểm thực hiện dự án:

20. Tổng vốn của dự án:USD

Trong đó:

c) Vốn viện trợ PCPNN không hoàn lại:nguyên tệ, tương đương..... USD

(theo tỷ giá chuyển đổi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm xây dựng Văn kiện dự án)

d) Vốn đối ứng:

- Tiền mặt:VND tương đương với..... USD

- Hiện vật: tương đươngVND tương đương với.....

USD

Đại diện Chủ dự án ký tên và đóng dấu

Ngày tháng năm

Đại diện Bên tài trợ ký tên và đóng dấu (nếu cần)

Ngày tháng năm

⁵ Mã ngành kinh tế quốc dân của dự án, phân theo Danh mục Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam 2007 (Ban hành kèm theo Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ)

⁶ Xác định số năm hoặc số tháng cần thiết để thực hiện dự án kể từ ngày dự án có hiệu lực.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG VỐN VIỆN TRỢ PCPNN (NGO NƯỚC NGOÀI)

5. Bối cảnh và sự cần thiết của dự án

1. Mô tả tóm tắt quy hoạch, kế hoạch phát triển của đơn vị thụ hưởng (cơ quan, ngành, lĩnh vực) liên quan đến nội dung của dự án và sự cần thiết, vai trò, vị trí của dự án trong quy hoạch, kế hoạch đó.
2. Khái quát các chương trình, dự án khác đã và đang thực hiện bằng những nguồn vốn khác nhau nhằm mục đích hỗ trợ giải quyết các vấn đề có liên quan của đơn vị đề xuất dự án.
3. Khái quát những vấn đề cần giải quyết trong phạm vi của dự án đề xuất.
4. Nêu rõ những đối tượng thụ hưởng trực tiếp của dự án đề xuất.

6. Cơ sở đề xuất nhà tài trợ

1. Tính phù hợp của mục tiêu dự án với chính sách và định hướng ưu tiên của nhà tài trợ.
2. Phân tích lý do lựa chọn và lợi thế của nhà tài trợ về công nghệ, kinh nghiệm quản lý, tư vấn chính sách thuộc lĩnh vực được tài trợ.
3. Các điều kiện ràng buộc theo quy định của nhà tài trợ (nếu có) và khả năng đáp ứng các điều kiện này của phía Việt Nam.

7. Các mục tiêu của dự án

1. Mục tiêu dài hạn
2. Mục tiêu ngắn hạn

8. Các kết quả chủ yếu của dự án

Kết quả dự kiến đạt được của dự án và các chỉ số đo lường các kết quả đó (theo từng cấu phần, hạng mục nếu có).

9. Cấu phần, hạng mục, hoạt động chủ yếu và dự kiến phân bổ nguồn lực của dự án

Mô tả tóm tắt các cấu phần, hạng mục, hoạt động chủ yếu theo từng kết quả dự kiến của dự án (trong đó nêu rõ từng kết quả theo từng cấu phần, hạng mục) và nguồn lực dự kiến tương ứng.

10. Cơ chế tài chính trong nước đối với dự án

1. Đối với vốn viện trợ PCPNN:
 - e) Vốn viện trợ PCPNN:.....nguyên tệ, tương đương.....USD
2. Đối với vốn đối ứng
Vốn đối ứng:..... VND

Trong đó: -Hiện vật: tương đương VND Tiền
mặt:.....VND

Nguồn vốn đối ứng được huy động theo một hoặc một số hình thức sau:

- f) Vốn ngân sách trung ương cấp phát.....VND (...%) tổng vốn đối ứng
- g) Vốn khác (nêu rõ nguồn vốn):VND (...%) tổng vốn đối ứng

11. Tổ chức quản lý thực hiện dự án

1. Phương thức tổ chức quản lý thực hiện dự án.
2. Khái quát cơ chế làm việc, quan hệ giữa các cơ quan: cơ quan chủ quản, chủ dự án, Ban quản lý dự án, các nhà thầu, nhà tài trợ và các bên tham gia khác để thực hiện và quản lý dự án.
3. Năng lực tổ chức, quản lý thực hiện của chủ dự án dự kiến sẽ được giao thực hiện dự án, bao gồm cả năng lực tài chính.

12.Phương án xây dựng và công nghệ dự kiến để thực hiện dự án

13. Phân tích sơ bộ tính khả thi của dự án (về kinh tế, tài chính, công nghệ, năng lực tổ chức thực hiện)

14.Phân tích sơ bộ hiệu quả dự án

1. Đánh giá hiệu quả trực tiếp đối với đơn vị thực hiện.
2. Đánh giá tác động kinh tế, xã hội và môi trường đối với ngành, lĩnh vực và địa phương.
3. Đánh giá tính bền vững của dự án sau khi kết thúc.

Văn kiện dự án có thể kèm theo một số phụ lục sau:

1. Các hồ sơ theo quy định của Luật xây dựng (nếu là Dự án đầu tư xây dựng công trình)
2. Danh mục trang thiết bị cung cấp để thực hiện dự án
3. Khung logic của dự án
4. Điều khoản giao việc của các chức danh chủ chốt và dịch vụ tư vấn
5. Các bảng biểu bao gồm cả bảng tổng hợp và chi tiết về ngân sách dự án
6. Ảnh minh họa
7. Bản đồ
8. Các tài liệu có liên quan khác.

PHỤ LỤC 2c

NỘI DUNG VĂN KIỆN CHƯƠNG TRÌNH SỬ DỤNG VỐN VIỆN TRỢ PCPNN⁷ (Tên chương trình)

THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ CHƯƠNG TRÌNH

21. Tên chương trình:

22. Mã ngành chương trình⁸: Mã số chương trình⁹:

23. Tên nhà tài trợ:

24. Cơ quan phê duyệt khoản viện trợ:

a) Địa chỉ liên lạc:
thoại/Fax:

b) Số điện

25. Cơ quan chủ quản:

a) Địa chỉ liên lạc:
thoại/Fax:

b) Số điện

26. Chủ chương trình:

a) Địa chỉ liên lạc:
thoại/Fax:

b) Số điện

27. Thời gian dự kiến thực hiện chương trình¹⁰:

28. Địa điểm thực hiện chương trình (ghi rõ tới cấp huyện, nếu có thể áp dụng được):

29. Tổng vốn của chương trình:USD

h) Vốn viện trợ PCPNN không hoàn lại:nguyên tệ, tương đương USD

(theo tỷ giá chuyển đổi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm xây dựng Văn kiện chương trình)

i) Vốn đối ứng:

- Tiền mặt: VND tương đương với USD

- Hiện vật: tương đương VND tương đương với

USD

30. Mục tiêu và kết quả chủ yếu của chương trình

Khái quát mục tiêu và kết quả của chương trình.

Chủ Chương trình ký tên và đóng dấu

Ngày tháng năm

Đại diện Bên tài trợ ký tên và đóng dấu (nếu cần)

Ngày tháng năm

⁷ Áp dụng đối với chương trình, dự án có nhiều cấu phần, đa lĩnh vực và chỉ có một cơ quan chủ quản.

⁸ Mã ngành kinh tế quốc dân của chương trình, phân theo Danh mục Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam 2007 (Ban hành kèm theo Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ).

⁹ Mã chương trình - không bắt buộc, có thể do Bên tài trợ cung cấp.

¹⁰ Xác định số năm hoặc số tháng cần thiết để thực hiện chương trình kể từ ngày chương trình có hiệu lực.

NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH SỬ DỤNG VỐN VIỆN TRỢ PCPNN

15. Căn cứ hình thành chương trình

d) Cơ sở pháp lý

- a) Quyết định của Cơ quan phê duyệt khoản viện trợ
- b) Quyết định của cơ quan chủ quản về chủ chương trình
- c) Các văn bản pháp lý liên quan

e) Bối cảnh của chương trình

a) Mô tả chi tiết vai trò, vị trí và sự cần thiết của chương trình trong khung khổ quy hoạch, kế hoạch phát triển dài hạn của lĩnh vực có liên quan và của đơn vị thụ hưởng viện trợ PCPNN (cơ quan, ngành, lĩnh vực, địa phương).

b) Nêu các chương trình tương tự đã và đang thực hiện trong lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan chủ quản và các chương trình, dự án đã được tiếp nhận trong cùng một lĩnh vực để tránh trùng lặp và đảm bảo sự phối hợp, chia sẻ kết quả giữa các chương trình, dự án với nhau nhằm phát huy hiệu quả tối đa.

f) Các vấn đề sẽ được giải quyết trong khuôn khổ chương trình.

g) Nêu rõ những đối tượng thụ hưởng trực tiếp của chương trình.

16. Cơ sở đề xuất nhà tài trợ

1. Tính phù hợp của mục tiêu chương trình với chính sách và định hướng ưu tiên của nhà tài trợ.
2. Phân tích lý do lựa chọn và lợi thế của nhà tài trợ về công nghệ, kinh nghiệm quản lý, tư vấn chính sách thuộc lĩnh vực được tài trợ.
3. Các điều kiện ràng buộc theo quy định của nhà tài trợ (nếu có) và khả năng đáp ứng các điều kiện này của phía Việt Nam.

17. Mục tiêu của chương trình

1. Mục tiêu tổng thể

Mô tả hiệu quả, những lợi ích lâu dài mà chương trình đóng góp vào sự phát triển của xã hội, ngành, lĩnh vực, địa phương và các nhóm đối tượng liên quan.

2. Mục tiêu thành phần

Mô tả các mục tiêu thành phần cần đạt được để hỗ trợ đạt được mục tiêu tổng thể của chương trình.

18. Các kết quả chủ yếu của chương trình

Xác định rõ các kết quả cuối cùng của chương trình và các chỉ số đo lường các kết quả đó.

19. Các dự án thành phần hoặc cấu phần và hoạt động của chương trình

1. Mô tả các thành phần của chương trình, các dự án thành phần (nếu có) hoặc các cấu phần và các hoạt động tương ứng, gồm:
 - Mục đích
 - Các kết quả dự kiến
 - Tổ chức thực hiện
 - Thời gian bắt đầu và kết thúc
 - Dự kiến nguồn lực.
2. Mô tả mối quan hệ tương tác giữa các dự án thành phần (nếu có) hoặc các cấu phần của chương trình.

20. Ngân sách chương trình

1. Tổng vốn của chương trình

a) Tổng vốn của cả chương trình:..... USD

Trong đó:

- Vốn viện trợ PCPNN không hoàn lại:nguyên tệ, tương đương..... USD

(theo tỷ giá chuyển đổi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm xây dựng Văn kiện chương trình)

- Vốn đối ứng:.....VND tương đương với..... USD

Trong đó: Hiện vật: tương đương..... VND Tiền mặt:.....VND

Nguồn vốn được huy động theo một hoặc một số trong các hình thức sau:

- Vốn ngân sách nhà nước cấp phát.....VND (..... %) tổng vốn đối ứng
(trong đó: vốn NS trung ương ...%, Vốn NS địa phương.....%)
- Vốn tín dụng ưu đãi.....VND (..... %) tổng vốn đối ứng
- Vốn của cơ quan chủ quản.....VND (..... %) tổng vốn đối ứng
- Vốn tự cân đối của chủ chương trình.....VND (..... %) tổng vốn đối ứng
- Vốn đóng góp của các đối tượng thụ hưởng (nếu có)....VND (..... %) tổng vốn đối ứng.

b) Vốn cho từng thành phần (nếu có) hoặc cấu phần.

2. Cơ cấu vốn của các thành phần chương trình phân theo: dịch vụ tư vấn (ước tính tỷ trọng chuyên gia trong nước/chuyên gia quốc tế); xây lắp; thiết bị và vật tư (trong nước, ngoài nước); đào tạo (trong nước, ngoài nước); các chi phí quản lý; chi phí theo dõi và đánh giá chương trình và các chi phí khác.

21. Các quy định về quản lý tài chính của chương trình

5. Hình thức giải ngân (qua kho bạc, tài khoản đặc biệt hay tài khoản tạm ứng...)
6. Tổ chức công tác kế toán, thanh quyết toán
7. Trách nhiệm quản lý vốn (mở tài khoản, chủ tài khoản...)
8. Kiểm toán chương trình

22. Tổ chức quản lý thực hiện chương trình

1. Cơ cấu tổ chức
 - a) Mô hình tổ chức quản lý chương trình theo thoả thuận với nhà tài trợ
 - c) Hoạt động của Ban quản lý dự án tuân theo quy định tại Thông tư số .../2010/TT-BKH ngày về Hướng dẫn thực hiện Quy chế về quản lý và sử dụng viện trợ PCPNN ban hành kèm theo Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009
2. Cơ chế phối hợp
 - a) Phối hợp giữa cơ quan chủ quản, chủ chương trình, các đơn vị thực hiện cấu phần và Ban quản lý chương trình.
 - b) Phối hợp giữa các đơn vị tham gia thực hiện chương trình với nhà tài trợ và các cơ quan khác trong quá trình thực hiện chương trình
3. Năng lực tổ chức, quản lý thực hiện của chủ chương trình sẽ được giao thực hiện chương trình, bao gồm cả năng lực tài chính.

23. Theo dõi và đánh giá chương trình

1. Xây dựng chi tiết kế hoạch theo dõi thực hiện chương trình trên các mặt:
 - a) Thực hiện chương trình
 - b) Quản lý chương trình
 - c) Xử lý, phản hồi thông tin theo dõi
2. Xây dựng chi tiết kế hoạch đánh giá tình hình thực hiện chương trình
 - a) Đánh giá ban đầu
 - b) Đánh giá giữa kỳ
 - c) Đánh giá kết thúc
3. Chế độ kiểm tra, báo cáo của chương trình.

Tuân theo quy định tại Thông tư số .../2010/TT-BKH ngày về Hướng dẫn thực hiện Quy chế về quản lý và sử dụng viện trợ PCPNN ban hành kèm theo Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009

24. Tác động của chương trình

1. Phân tích tác động của chương trình đối với đối tượng thụ hưởng (trực tiếp, gián tiếp)

Nêu rõ những lợi ích đối với các đối tượng thụ hưởng sau khi dự án kết thúc (bảng định tính và định lượng).

2. Phân tích các tác động kinh tế, xã hội và môi trường của chương trình
 - a) Mô tả các tác động kinh tế - xã hội của chương trình: xoá đói giảm nghèo, tạo việc làm, thu nhập cho người dân, nâng cấp cơ sở hạ tầng....
 - b) Mô tả các tác động môi trường của chương trình
3. Tác động giới.

25. Rủi ro

Đánh giá các rủi ro có thể xảy ra và nêu các biện pháp để khắc phục rủi ro.

26. Đánh giá tính bền vững của chương trình sau khi kết thúc

Đánh giá tính bền vững của chương trình trên các phương diện:

1. Bền vững về kết quả: kết quả của chương trình được duy trì và phát triển sau khi chương trình kết thúc.
2. Bền vững về tổ chức: cơ cấu tổ chức, nguồn nhân lực của chương trình được đảm bảo để có thể tiếp tục sau khi chương trình kết thúc.
3. Bền vững về tài chính: sau khi hết tài trợ, các hoạt động của chương trình có thể tự tạo ra kinh phí để tiếp tục các hoạt động cần thiết khác.
4. Bền vững về môi trường: môi trường tự nhiên quanh khu vực thực hiện chương trình được bảo tồn sau khi chương trình kết thúc.

Văn kiện chương trình có thể có một số phụ lục sau:

1. Đề cương chi tiết cho từng dự án thành phần hoặc cấu phần
2. Danh mục trang thiết bị cung cấp để thực hiện chương trình
3. Khung logic
4. Điều khoản giao việc của các chức danh chủ chốt và dịch vụ tư vấn
5. Các bảng biểu bao gồm cả bảng tổng hợp và chi tiết về ngân sách chương trình
6. Ảnh minh họa
7. Bản đồ
8. Các tài liệu có liên quan khác.